

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 14 - ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2025/DS-ST

Ngày: 12/8/2025

“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 14 - ĐẮK LẮK**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Phong

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Ngọc Trung và ông Nguyễn Mạnh Tiến

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Khiêm – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 14 - Đắk Lắk.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:*** Bà Trịnh Quỳnh Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 14 - Đắk Lắk, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 51/2025/TLST-DS, ngày 15 tháng 04 năm 2025, về *“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2025/QĐXXST-DSST ngày 27 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 14 - Đắk Lắk, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Mỹ Nhiên, sinh năm 1986

Địa chỉ: Ấp G, xã H, tỉnh Vĩnh Long.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Đình L, sinh năm 1990

Địa chỉ: khu phố 2, phường B, TP. Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1988

Địa chỉ: thôn Đ, xã T, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết nguyên đơn, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Do quen biết nên bà Lê Thị Mỹ N có cho bà Nguyễn Thị Thu H vay số tiền 500.000.000 đồng. Việc vay được lập thành “Giấy mượn tiền” do bà H viết và ký tên. Theo giấy mượn tiền, bà H cam kết trả tiền theo từng lần, cụ thể: từ ngày 15/3/2023 trả 100.000.000 đồng, ngày 15/4/2023 trả 100.000.000 đồng, ngày 15/5/2023 trả 100.000.000 đồng, ngày 15/6/2023 trả 100.000.000 đồng và 15/7/2023 trả 100.000.000 đồng. Đến hạn, bà N đã nhiều lần liên hệ yêu cầu bà H trả tiền nhưng bà H trốn tránh, không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như cam kết. Nay, bà N khởi kiện yêu cầu bà H có thanh toán tiền gốc và tiền lãi phát sinh tạm tính từ ngày 15/7/2023 đến ngày 15/10/2024 là 562.250.000 đồng.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H trình bày: Bà và bà N là đồng nghiệp với nhau làm ở hai công ty cùng một ông chủ, đầu năm 2021 bà N và bà có hùn tiền, làm

vốn để cho người khác vay lấy tiền lời (tiền lãi). Bà N hùn vốn vào, bà là người nhận tiền và trực tiếp cho người khác vay để lấy tiền lời. Việc hùn vốn đều đặn, mỗi lần bà N hùn từ 20.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, hàng tháng bà đều trả tiền cho bà N đều đặn cho đến năm 2023 thì không hùn vốn nữa. Khi hùn vốn bà N chuyển tiền từ số tài khoản của bà N là 0066100005229001 tại Ngân hàng Phương Đông qua số tài khoản của bà là 0066100007589005 tại Ngân hàng Phương Đông. Đối với “Giấy mượn tiền” là do bà viết. Bà cho rằng, vì bà và bà N làm ăn, bà N có nói số tiền đưa cho bà là bà N lấy của em gái bà N nên kêu bà viết giấy mượn 500.000.000 đồng để bà N có lý do nói với người nhà bà N nên bà mới viết vay bà N số tiền 500.000.000 đồng nhưng bà không có ký tên. Do đó, bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền nguyên đơn xin vắng mặt và có bản trình bày, giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bị đơn trả 500.000.000 đồng và lãi suất phát sinh 9,96%/năm, tính từ ngày 15/7/2023 đến ngày tòa án xét xử. Bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì cho rằng giấy mượn tiền bị đơn viết vào ngày 15/01/2023 và đã trả hết cho nguyên đơn nhiều lần vào năm 2023 bằng tiền mặt và chuyển khoản tại ngân hàng Phương Đông.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký, người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Tuy nhiên, vi phạm về việc mở phiên tòa xét xử vụ án không có Viện kiểm sát tham gia phiên tòa và chuyển hồ sơ để Viện kiểm sát nghiên cứu. Về nội dung: Căn cứ “Giấy mượn tiền” và sự thừa nhận của bị đơn có căn cứ xác định, bị đơn có mượn của nguyên đơn số tiền 500.000.000 đồng và đã trả cho nguyên đơn 253.000.000 đồng thông qua hai số tài khoản tại ngân hàng Phương Đông, còn lại 247.000.000 đồng chưa trả. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 357, 463, 466 Bộ luật dân sự; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết 326. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả số tiền 247.000.000 đồng nợ gốc và tiền lãi chậm trả tương ứng với số nợ gốc theo từng mốc thời gian trả nợ tính từ ngày 15/7/2023 đến ngày xét xử với mức lãi suất 9,96%/năm. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn đối với số tiền 253.000.000 đồng. Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí trên số tiền nguyên đơn được chấp nhận; nguyên đơn phải chịu án phí trên số tiền không được chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiếp tục xét xử vụ án.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thấy rằng: Do quen biết nên bà Lê Thị Mỹ N có cho bà Nguyễn Thị Thu H vay số tiền 500.000.000 đồng, việc vay được lập thành “Giấy mượn tiền” do bà Hoài viết. Quá trình giải quyết và tại phiên tòa bà H thừa nhận “Giấy mượn tiền” viết mượn số tiền 500.000.000 đồng là do bà

viết. Như vậy, có căn cứ xác định bà Nguyễn Thị Thu H có mượn của Lê Thị Mỹ N số tiền 500.000.000 đồng.

[3] Nguyên đơn cho rằng bị đơn đã thừa nhận giấy mượn tiền và hiện chưa trả số tiền trên; bị đơn cho rằng “Giấy mượn tiền” do bị đơn viết vào ngày 15/01/2023 và đã trả xong cho nguyên đơn nhiều lần bằng tiền mặt và chuyển khoản qua Ngân hàng thương mại cổ phần Phương Đông từ số tài khoản của bị đơn là 0066100007589005 đến số tài khoản của nguyên đơn là 0066100005229001. Thấy rằng, tại “Giấy mượn tiền” bà H ghi “Tôi có vay số tiền 500.000.000 đồng của bà Lê Thị Mỹ N” sau đó viết tiếp “Ngày 15/01/2023 em gửi số tiền 20.000.000 đồng” sau đó viết tiếp năm thời hạn phải trả nợ là ngày 15 hàng tháng, từ tháng 3 đến tháng 7 năm 2023. Như vậy, có căn cứ xác định “Giấy mượn tiền” được viết vào ngày 15/01/2023.

Tại phiên tòa ngày 23/6/2025 bị đơn cung cấp bản sao kê có chuyển khoản trả tiền cho nguyên đơn. Tại Biên bản xác minh ngày 22/7/2025 do Ngân hàng thương mại cổ phần Phương Đông – Chi nhánh Phú Yên cung cấp kèm theo bản sao kê: từ ngày 31/01/2023 đến nay bà Nguyễn Thị Thu H có chuyển tiền cho bà Lê Thị Mỹ N nhiều lần với số tiền 253.000.000 đồng, từ số tài khoản của bà H là 0066100007589005 đến số tài khoản của bà N là 0066100005229001. Như vậy, có căn cứ xác định bà Nguyễn Thị Thu H đã trả cho bà Lê Thị Mỹ N số tiền 253.000.000 đồng và hiện bà H còn nợ bà N số tiền 247.000.000 đồng chưa trả. Do đó, cần buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 247.000.000 đồng, về khoản tiền vay.

[4] Về lãi suất: Thấy rằng, giấy mượn tiền các bên không xác định rõ lãi suất, lẽ ra áp dụng khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự xác định mức lãi suất là 10%/năm. Tuy nhiên, quá trình giải quyết nguyên đơn chỉ yêu cầu mức lãi suất 9,96%/năm thấp hơn mức quy định, nên được chấp nhận. Bị đơn đã trả cho nguyên đơn 253.000.000 đồng bằng chuyển khoản nhiều lần, trong đó lần trả cuối cùng là ngày 08/4/2024, nên lãi suất được tính từ ngày chưa trả số tiền còn lại là ngày 09/4/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm là 01 năm 04 tháng 03 ngày (247.000.000 đồng x 9,96%/năm x 01 năm, 04 tháng, 3 ngày = 33.006.600 đồng).

[5] Từ những căn cứ và phân tích trên, cần chấp nhận ý kiến đề xuất của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả số tiền 280.006.600 đồng (tiền gốc 247.000.000 đồng, tiền lãi 33.006.600 đồng); không chấp nhận yêu cầu số tiền 253.000.000 đồng của nguyên đơn.

[6] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận một phần nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên phần nguyên đơn được chấp nhận (280.006.600 đồng x 5% = 14.000.000 đồng). Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên yêu cầu không được chấp nhận (253.000.000 đồng x 5% = 12.650.000 đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự; Điều 227, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Mỹ N. Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H phải trả cho bà Lê Thị Mỹ N số tiền 280.006.600 đồng (tiền gốc 247.000.000 đồng, tiền lãi 33.006.600 đồng) về khoản vay theo giấy mượn số tiền 500.000.000 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Mỹ N yêu cầu bà Nguyễn Thị Thu H trả số tiền 253.000.000 đồng, về khoản vay theo giấy mượn số tiền 500.000.000 đồng.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (*đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án*) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về án phí: Bị đơn Nguyễn Thị Thu H phải chịu 14.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn bà Lê Thị Mỹ N phải chịu 12.650.000 đồng án phí trên yêu cầu không được chấp nhận, đã nộp 13.245.000 đồng đồng theo Biên lai thu tiền số 0004596 ngày 01/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 17 – TP. Hồ Chí Minh, nên hoàn trả lại cho nguyên đơn 595.000 đồng.

Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 14 - Đắk Lắk;
- Phòng THADS khu vực 17 – TP. HCM;
- Phòng THADS khu vực 14 - Đắk Lắk;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Phong